

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 7- 2020
V/v “*tranh chấp Hôn nH1 và gia
đình*”

**NH1 DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NH1 DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Yến.**

Các Hội thẩm nH1 dân: Bà **Hồ Thị Lan**

Bà V Thị Thơ

- T ký phiên tòa: Bà **Hoàng Vân Anh-** T ký Tòa án nH1 dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Trong ngày 06 tháng 7 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nH1 dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nH1 gia đình thụ lý số: 183/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 2 năm 2020 về “Tranh chấp Hôn nH1 và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:*Chị **Nguyễn Thị Bích N**, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Tổ 7, khu 1, phường HG, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

*- Bị đơn:*Anh **Nguyễn Trường V**, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Tổ 7, khu 1, phường HG, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, đã được tổng đạt hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2020, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bích N trình bày:

Về quan hệ hôn nH1: Chị và anh Nguyễn Trường V có đăng ký kết hôn vào ngày 05/7/2004, tại UBND phường HG, Tp. H trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn hai anh chị đã có thời gian tìm hiểu nhau 4 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nH1 là anh V phát sinh quan hệ tình cảm ngoài hôn nH1. Vợ chồng đã nói chuyện với nhau để đoàn tụ nhưng anh V vẫn không thay đổi. Đến năm 2007

anh V vẫn chứng nào tật nấy, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, thiếu chung thủy dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau. Từ đó anh chị không cùng quan điểm sống, hay xảy ra mâu thuẫn cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn, tuy sống cùng một nhà nhưng anh chị đã ly hôn từ lâu.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Nguyễn Giai H1 (sinh ngày 24/2/2006) và cháu Nguyễn Tú T (sinh ngày 25/6/2011). Sau khi ly hôn, trong đơn chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Tú Như 2.000.000 đồng/tháng, thời gian tính từ khi Tòa án có quyết định/bản án ly hôn đến khi cháu Như đủ 18 tuổi. Đối với con chung Nguyễn Giai H1 chị N không có yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh, chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị N nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Tòa án tiến hành giải quyết vụ án và triệu tập anh Nguyễn Trường V nhiều lần nhưng anh V không có mặt tại Tòa án để làm việc. Tòa án đã giao các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử...cho anh V. Anh V đều trực tiếp nhận văn bản nhưng không đến Tòa án để trình bày quan điểm. Tại biên bản giao nhận giấy triệu tập ngày 06/3/2020, anh V có thể hiện quan điểm “tôi đã nhận giấy triệu tập nhưng tôi không đến tòa. Tại biên bản làm việc ngày 30/6/2020 của Văn phòng thừa phát lại H có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị Quyết, tổ trưởng tổ 7, khu 1, phường HG, thành phố H thể hiện: ông Nguyễn Trường V không nhận văn bản tổng đạt vì cảm thấy rất phiền, ảnh hưởng tới cuộc sống, từ lần sau Tòa không phải gửi văn bản nữa, thích làm gì thì làm. T ký nghiệp vụ có động viên tư tưởng và thuyết phục nhưng anh V cương quyết không chịu nhận.

Toà án nH1 dân thành phố H có mở phiên toà xét xử việc ly hôn giữa chị N và anh V. Tuy nhiên do tính chất công việc không thể xin nghỉ được vì vậy chị N đã làm đơn xin được vắng mặt tại các phiên toà xét xử việc ly hôn và đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục làm việc. Chị N xin giữ nguyên quan điểm trong bản tự khai.

Ngày 28/02/2020, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N cung cấp cho Tòa án đơn xin từ chối hòa giải vụ án của anh chị. Do trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn Tồng xuyên xảy ra xích mích cãi vã, xúc phạm nhau và đã hoà giải nói chuyện nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng không thể hàn gắn vì vậy chị N xin từ chối hoà giải. Ngoài ra, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn nhưng không lần nào anh V có mặt vì vậy nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc

trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Chị không còn tình cảm vợ chồng nên chị xin ly hôn và nguyện vọng được nuôi cả hai con chung như chị đã trình bày.

Ngày 03/06/2020, chị N nộp cho Tòa án đơn xin xác nhận thực trạng hôn nhân, có xác nhận của tổ dân phố về việc : Chị N và anh V có đăng ký hộ khẩu Thường trú tại tổ 7, khu 1, phường Hòn Gai, thành phố H. Hiện tại chị N và anh V vẫn sinh hoạt tại tổ dân khu phố. Tuy nhiên, do gia đình sống khép kín nên tổ dân không biết việc mâu thuẫn của vợ chồng anh chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Bích N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trường V, nơi ĐKKHTT: Tổ 7, khu 1, phường HG, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Trường V chung sống và đăng ký kết hôn ngày 05/07/2004 tại Ủy ban nhân dân phường HG, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Việc đăng ký kết hôn này thể hiện quan hệ hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V phát sinh quan hệ tình cảm nam nữ ngoài hôn nhân, không chung thủy. Chị N đã nhiều lần cùng chồng nói chuyện tìm tiếng nói chung, hàn gắn tình cảm nhưng năm 2007 anh V vẫn tiếp tục có mối quan hệ tình cảm ngoài vợ chồng khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến thời điểm hiện tại, tuy vợ chồng vẫn sống chung trong một nhà nhưng việc ai người ấy làm và không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh V đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị N xin được ly hôn với anh Nguyễn Trường V.

Đối với anh V, sau khi chị N đề nghị ly hôn tại Tòa án, anh nhận được thông tin nhưng không đến Tòa án làm việc, cũng không có quan điểm và có thái độ bỏ mặc. Như vậy thể hiện thái độ coi Tồng pháp luật và thiếu tôn trọng tình cảm vợ chồng cũng như ý thức bảo vệ cuộc hôn nhân này.

Những mâu thuẫn giữa chị N và anh V đã ở mức trầm trọng và không thể khắc phục được. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã thể hiện việc đề cho chị N và anh V đoàn tụ là không khả thi. Tình cảm của chị N với anh V không còn, nếu tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân này thì cả hai anh chị cũng không thể hạnh phúc. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Quá trình chung sống chị N và anh V có 02 con chung là: Nguyễn Giai H1 (sinh ngày 24/2/2006) và Nguyễn Tú Như (sinh ngày 25/6/2011). Khi ly hôn, trong đơn chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Tú Như 2.000.000 đồng/tháng kể từ khi có quyết định ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi; còn đối với cháu Nguyễn Giai H1 chị N không có yêu cầu cấp dưỡng.

Xét yêu cầu và nguyện vọng của chị N về con chung là chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của 02 con chung thể hiện tại Biên bản lấy lời khai con chung ngày 26/4/2020, anh V không đến Tòa án thể hiện quan điểm về con chung nên yêu cầu chị N được chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung và công nợ chung*: Chị N xác định không có tài sản chung, không vay nợ chung tổ chức, cá nhân nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và anh V phải nộp án phí cấp dưỡng của người có nghĩa vụ nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N.

- *Về quan hệ hôn nhân*: chị Nguyễn Thị Bích N được ly hôn anh Nguyễn Trường V.

- *Về con chung*: Giao con chung Nguyễn Giai H1 (sinh ngày 24/2/2006) và Nguyễn Tú Như (sinh ngày 25/6/2011) cho chị Nguyễn Thị Bích N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung đến khi mỗi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Trường V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Tú Như số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng; thời gian cấp dưỡng tính từ tháng ngày 06 tháng 7 năm 2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Trường V có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Chị N xác định không có tài sản chung, không vay nợ chung tổ chức, cá nhân nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Bích N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002159 ngày 14/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Nguyễn Trường V phải nộp 300.000đ tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP H;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP H;
- Ủy ban nhân dân phường HG, Tp. H, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Yến